

**QUY ĐỊNH**

**về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế  
và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

-----

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quy chế làm việc số 14-QC/TU ngày 14/6/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quy định số 494-QĐ/TU ngày 10/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

**Điều 2. Nguyên tắc tổ chức**

1. Bảo đảm tham mưu, giúp việc, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy; không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc; một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

2. Bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Đầu mối bên trong của Ban Dân vận Tỉnh ủy được thành lập trên một số cơ sở như sau:

- Chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

- Tổng số biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

- Tối thiểu có 05 người mới thành lập một đầu mối. Trường hợp chưa bố trí đủ biên chế, ít nhất phải có 04 người mới được thành lập.

Phòng có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 03 phó trưởng phòng; phòng có từ 05 đến dưới 10 người bố trí không quá 02 phó trưởng phòng; phòng chưa đủ 05 người, bố trí 01 phó trưởng phòng.

### **Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn**

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất với cấp ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan liên quan khi bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do Ban Dân vận Tỉnh ủy phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương.

### **Điều 4. Về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu cán bộ, công chức**

#### ***1. Về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm***

Đối với tiêu chuẩn các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Việc xác định vị trí việc làm của cán bộ, công chức Ban Dân vận Tỉnh ủy do Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét theo quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ.

#### ***2. Về cơ cấu cán bộ, công chức***

Bố trí hợp lý cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy, cơ cấu cán bộ, công chức làm công tác nghiên cứu, tham mưu chiếm đa số.

## Chương II

# CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

### **Điều 5. Chức năng**

1. Ban Dân vận Tỉnh ủy là cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo); là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo tỉnh.

### **Điều 6. Nhiệm vụ**

#### **1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện**

1.1. Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.

1.3. Tham mưu giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước ở địa phương.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, tâm tư, nguyện vọng, đời sống và những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.6. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

1.7. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

## ***2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát***

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của Đảng trong tỉnh.

## ***3. Thẩm định, thẩm tra***

3.1. Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy.

3.2. Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

## ***4. Phối hợp***

4.1. Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

4.2. Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, giám sát, khảo sát, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

4.3. Với mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4.4. Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

4.5. Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy.

4.6. Với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận chính quyền.

4.7. Với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan tư pháp tỉnh trong thực hiện công tác dân vận của lực lượng vũ trang và cơ quan tư pháp.

## ***5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường***

*trực Tỉnh ủy giao.*

## **Điều 7. Tổ chức bộ máy**

### **1. Lãnh đạo Ban**

Lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy gồm: Trưởng Ban và không quá 02 phó trưởng ban.

### **2. Đơn vị trực thuộc**

- Văn phòng.
- Phòng Đoàn thể và các hội.
- Phòng Dân vận các cơ quan nhà nước, dân tộc và tôn giáo.

## **Điều 8. Biên chế của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

Biên chế của Ban Dân vận Tỉnh ủy do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở tổng biên chế được Trung ương giao; bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Dân vận Tỉnh ủy; bám sát yêu cầu, cơ cấu cán bộ, công chức, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm được phê duyệt; tăng cường phân công kiêm nhiệm; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

## **Chương III**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **Điều 9. Chế độ làm việc**

Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng Ban chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về toàn bộ hoạt động của Ban. Các phó trưởng ban giúp việc Trưởng Ban, chịu trách nhiệm về các công việc được phân công.

## **Điều 10. Mối quan hệ công tác**

**1. Quan hệ với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương**

1.1. Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu đề xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công, về chương trình công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

1.2. Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo đối với Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

**2. Quan hệ với đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan, sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan, sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là quan hệ phối hợp.

2.1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan, sở, ban, ngành, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh nghiên cứu, triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.2. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**3. Quan hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh**

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

3.1. Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của Ban Dân vận Tỉnh ủy có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ban Dân vận Tỉnh ủy, đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

**4. Quan hệ với cấp ủy cấp huyện, ban dân vận huyện ủy, thành ủy, thị ủy**

4.1. Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy cấp huyện và tương đương là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác chuyên môn, tổ chức và cán bộ theo phân cấp.

4.2. Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với ban dân vận các huyện ủy, thành ủy, thị ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 484-QĐ/TU

ngày 28/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

2. Căn cứ Quy định này, Ban Dân vận Tỉnh ủy:

- Xây dựng quy chế làm việc, xác định nhiệm vụ của các phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

- Xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

3. Ban Dân vận Tỉnh ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan, sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, bổ sung, sửa đổi.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- Ban Dân vận Trung ương,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Dương Văn Thái**